



Số 329 I - 2009
NĂM THỨ MƯỜI SÁU
ISSN 868 - 331X

Chủ nhiệm

PHẠM MAI HÙNG

Tổng biên tập

DƯƠNG TRUNG QUỐC

Phó Tổng biên tập

ĐÀO HÙNG - NGUYỄN HANH

Thư ký Tòa soạn

ĐÀO THẾ ĐỨC

Trưởng cơ quan đại diện phía Nam

THÁI NHÂN HÒA

Trị sự

TRẦN HỒNG ĐỨC

Trình bày

PHÒNG THIẾT KẾ - MỸ THUẬT

Giấy phép xuất bản

363/GPXB Bộ VHTT ngày 8-3-1994

Tòa soạn

216 Trần Quang Khải, Hà Nội

ĐT: 38256588 - Tài khoản số: 02.03868.01.01

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải

Chi nhánh Hà Nội

Cơ quan đại diện phía Nam

181 Đê Thám - Q.1 - TP.HCM

ĐT: 38385117 - 38385126

Email: xuanay@yahoo.com

Tài khoản số: 1600.311.000.483 Ngân hàng

Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam

Chi nhánh Sài Gòn

In tại Nhà in Báo Nhân Dân

Tổng phát hành

Công ty Trường Phát

179 Lý Chính Thắng, P.9, Q.3, ĐT: 39351751

Phát hành nước ngoài

Công ty XUNHASABA - 25A - B

Nguyễn Bình Khiêm, Q.1, TP.HCM

ĐT: 38241320 - 38292900 - Fax: 84.38.8241321

Giá: 8.000đ



Ảnh bìa 1:
Phố Hàng Đường đầu thế kỷ XX

Hồ Chí Minh hiểu nguyên lý về.....	tr3
	ĐÀO PHAN
Những kinh nghiệm lịch sử về cải cách, đổi mới ở Việt Nam	tr8
	VĂN TẠO
Biến đổi văn hóa đô thị Hà Nội.....	tr10
	PHAN ĐĂNG LONG
Giải thưởng Phan Châu Trinh năm 2008	tr13
	Đ.H
Hoàng Xuân Hân với Nội các Trần Trọng Kim	tr16
	PHẠM HỒNG TUNG
Trường thanh niên tiên tuyến Huế.....	tr18
	TRẦN HÀNH
Lê Nhân Quý và dòng họ Lê ở Kim Cốc	tr21
	NGUYỄN MINH TƯỜNG
57 nhân vật Nam kỳ xuất dương trong phong trào Đông Du	tr22
	NGUYỄN THỨC CHUYÊN
Về bài thơ Xuất đồ môn.....	tr24
	NGÔ PHƯƠNG BÁ
Hòa Bình quan lang sử lược ca âm.....	tr28
	NGUYỄN HỮU THỊNH
Làng Việt cổ Ngọc Trì	tr30
	VÕ QUANG BÌNH

HỒ CHÍ MINH

biến nguyên lý về vấn đề dân tộc của Lenin như thế nào

(Tiếp theo số 327)

Theo cách hiểu ngay từ đầu của Hồ Chí Minh về các nguyên lý cách mạng của Lenin, thì vấn đề dân tộc cũng có một tầm quan trọng chủ yếu, tới mức nếu không có sự tham gia tích cực của các dân tộc thuộc địa thì cách mạng xã hội không thể có được. Thế nhưng bàn về vấn đề dân tộc ở nước Nga, khi còn là một đế chế đã kiểm tính nhiều dân tộc bị thống trị, từ năm 1913 Stalin lại lập luận rằng: "Vấn đề dân tộc ở nước Nga chỉ là một vấn đề thứ yếu"⁽¹⁾.

ĐÀO PHAN*

Stalin vốn chỉ nhấn mạnh "đấu tranh giai cấp" mà rất coi nhẹ "vấn đề dân tộc" như Lenin nhận xét. Phải chăng đó cũng là sự trái nghịch do Trần Phú đã mang về để đối lập với Nguyễn Ái Quốc khi qui kết cho Người là "quên mất lợi ích giai cấp tranh đấu", khi cũng áp đặt ở nước Việt Nam một thứ quan điểm nêu



bật “giai cấp tranh đấu là quan trọng nhất và ngày càng có tính chất kịch liệt”?

Lập luận nhằm chống lại Nguyễn Ái Quốc không thể chỉ xuất phát từ một Trần Phú - con trai của nhà nho Trần Văn Phổ quê ở Hà Tĩnh đã vào Quảng Ngãi ngôi ghé tri huyện, rồi tự thất cổ để chống lệnh của công sứ thực dân ép buộc cướp bóc nông dân cơ cực! Vậy thì bàn tay nào tận bên Liên Xô bấy giờ từng có thể áp đặt cho Bác một nghịch cảnh éo le hồi ấy, bằng cách dựa vào cái lẽ “giai cấp tranh đấu là quan trọng nhất và ngày càng có tính chất kịch liệt”? Nhất là khi một cán bộ vừa tốt nghiệp đại học ở Liên Xô về Việt Nam năm 1930, từng được Nguyễn Ái Quốc dạy cho những bài đầu tiên từ quyển *Đường Kách mệnh* ngay tại Quảng Châu mới năm 1925! Bức thư của Bác viết từ Quảng Châu ngày 18-12-1924 gửi Chủ tịch đoàn của Quốc tế Cộng sản (QTCS) đã nêu rằng:

“Tôi đến Quảng Châu vào giữa tháng 12. Tôi đã gặp tại đây vài ba nhà cách mạng quốc gia Việt Nam, trong số đó có một người đã xa rời xứ sở từ hai mươi năm nay. Trong cuộc thảo luận, tôi đã giải thích cho ông hiểu sự cần thiết của tổ chức và sự vô ích của những hành động không cơ sở. Ông đã đồng ý. Và đây là các việc mà chúng tôi đã bắt đầu cùng nhau tiến hành:

a) Tôi đã vạch ra một kế hoạch tổ chức và xin gửi kèm bản sao theo đây.

b) Sau khi tán thành kế hoạch này, ông ấy đã đưa cho tôi một bản danh sách của 14 người Việt Nam đã cùng ông hoạt động bấy lâu.

c) Tôi đã chọn 5 người quê ở 5 tỉnh khác nhau. Chúng tôi sẽ cử một người Việt Nam đưa họ tới Quảng Châu. Tôi sẽ huấn luyện cho họ về phương pháp tổ chức”⁽²⁾.

“Người đi xa xứ sở” đó chính là nhà yêu nước Phan Bội Châu đã ra đi từ năm 1905. “Kế hoạch tổ chức” được chính nhà cách mạng tiền bối tán thành là quyết định thành lập ngay “Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội” trong đó có nhiều thành viên của Đảng Phục Việt do Phan Bội Châu làm thủ lĩnh. Còn Trần Phú là một thanh niên trong bản “danh sách của 14 người Việt Nam” đã được cụ Phan chuyển cho Nguyễn Ái Quốc. Vậy thì sau khi được sang Liên Xô học tiếp mấy năm, tại sao đến ngày vừa nhận nhiệm vụ về nước hoạt động, Trần Phú đã có thể tự mình lập ra một Trung ương mới và làm Tổng Bí thư để xóa bỏ cả *Chinh cương* và *Sách lược* của Đảng do Bác xây dựng “trên cơ sở nội dung cuốn *Đường Kách mệnh*”?

Lúc Bác Hồ đứng ra thay mặt QTCS để triệu tập đại biểu các tổ chức cộng sản trong nước sang Hương Cảng họp dưới sự chủ trì của người, thì chỉ có Trịnh Đình Cửu, Nguyễn Đức Cảnh, Châu Văn Liêm, Nguyễn Thiệu... tham gia Hội nghị thành lập Đảng ngày 3-2, chứ Trần Phú thì vẫn đang học ở



Hồ Chí Minh cùng hai nhân sĩ Huỳnh Thúc Kháng (phải) và Nguyễn Văn Tố (trái) trong Nội các Chính phủ Việt Nam năm 1946 - Ảnh: Tư liệu

Liên Xô. Vậy mà chỉ nửa năm sau đây trở về nước, Trần Phú liền lên án gay gắt rằng “Hội nghị hiệp nhất” đã phạm sai lầm “rất nguy hiểm”, cả từ *Chinh cương* và *Sách lược* cho đến điều lệ và tổ chức của Đảng Cộng sản (ĐCS) Việt Nam. Sự lên án gay gắt đó còn cứ tiếp tục mãi tới sau ngày Bác đã thoát khỏi ngục Hương Cảng và lại bí mật tìm sang Liên Xô qua bao gian nan, để rồi đầu năm 1934 được đưa “vào học” một lớp nghiên cứu sinh! Trong bản báo cáo gửi QTCS ngày 31-3-1935, “Ban lãnh đạo hải ngoại của ĐCS Đông Dương” vẫn qui kết một cách xuyên tạc rằng: “Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội do Nguyễn Ái Quốc sáng lập mang hệ tư tưởng quốc gia cách mạng pha trộn với tư tưởng cải lương và duy tâm chủ nghĩa”⁽³⁾.

Tiếp theo đòi hỏi “làm cho Đảng bôn-sê-vich hóa” mà thực chất là “Stalin hóa” do Trần Phú nêu thành nghị quyết, nhằm “vô hiệu hóa” quyển *Đường Kách mệnh* do Bác Hồ từng đem giảng dạy thành những “nguyên tắc cơ bản về xây dựng Đảng”, Ban lãnh đạo hải ngoại của ĐCS Đông Dương bấy giờ vẫn nhấn mạnh rằng: Tàn dư của tư tưởng quốc gia và chủ nghĩa cải lương còn rất nặng trong Đảng và gây trở ngại nghiêm trọng cho sự phát triển của Chủ nghĩa cộng sản. Ban lãnh đạo hải ngoại thấy rằng việc đấu tranh không khoan nhượng chống lại lý luận cơ hội chủ nghĩa của “Việt Nam Thanh niên đồng chí hội” là cần thiết và yêu cầu Nguyễn Ái Quốc phải viết một cuốn sách nhỏ để “tự phê bình” những sai lầm đã mắc phải trong việc thành lập ĐCS Việt Nam! Phải chăng báo cáo đó do “Ban lãnh đạo hải ngoại của ĐCS Đông Dương” gửi QTCS tháng 3-1935 có liên quan tới Đại hội tháng 7-1935 của QTCS, khi Nguyễn Ái Quốc chỉ được tham dự với tư cách là “đại biểu dự thỉnh”, trong lúc Lê Hồng Phong trở thành Ủy viên Ban chấp hành của QTCS và hai đại biểu chính thức nữa của ĐCS Đông Dương bấy giờ lại là Nguyễn Thị Minh Khai và Hoàng Văn Nọn. Nghịch cảnh của Bác vẫn tiếp diễn: một lãnh tụ khai sáng

của ĐCS Việt Nam năm 1930, lại còn được đưa “đi học” và giúp đỡ các “học sinh” trong trường, giữa lúc Quốc tế chẳng giao nhiệm vụ nào nữa, rồi tới Đại hội Quốc tế năm 1935 chỉ làm “đại biểu dự thỉnh”!

Kể từ những ngày thành lập ĐCS Việt Nam, có một vấn đề hết sức trọng yếu trong việc Bác viết *Chính cương* và *Sách lược* để xây dựng Đảng, mà mãi tới năm 1955 tại Hà Nội, Hồ Chí Minh mới nhắc lại rằng: Trong lời “Kêu gọi các nhà cách mạng phương Đông” từ năm 1919, nhằm xây dựng Chủ nghĩa cộng sản ở châu Á, vạch cho các dân tộc “con đường đi tới một đời sống có đủ điều kiện xứng đáng với con người”, Lênin đã nhấn mạnh ở chỗ phải biết:

“Dựa vào lý luận và thực tiễn chung của Chủ nghĩa cộng sản, áp dụng vào những điều kiện đặc biệt, không có ở các nước châu Âu; phải biết vận dụng lý luận và thực tiễn ấy vào điều kiện, khi nông dân là quân chúng cơ bản, khi cần phải giải quyết nhiệm vụ đấu tranh không phải là chống tư bản, mà chống những tàn tích của thời trung cổ”.

Và Bác Hồ còn nêu bật rằng: “Đó là những chỉ thị đặc biệt quý báu đối với một nước như nước chúng tôi, là nơi 90% dân số sống về nghề nông, là nơi còn tồn tại rất nhiều những tàn tích của chế độ phong kiến quan lại thối nát”⁽⁴⁾.

Bác đã nhắc nhở một đòi hỏi của Lênin đối với “các nhà cách mạng phương Đông” là không thể rập khuôn theo phương Tây, “phải biết” vận dụng cả lý luận và thực tiễn của Chủ nghĩa cộng sản một cách không thể máy móc “vào những điều kiện đặc biệt, không có ở các nước châu Âu”. Lênin còn nhấn mạnh với các nhà cách mạng phương Đông là phải: “Đem học thuyết cộng sản vốn được viết cho những người cộng sản ở các nước tiên tiến, mà dịch ra tiếng nói của mỗi dân tộc” chưa phát triển và bị nô dịch dưới ách thực dân. Chắc hẳn khi viết *Chính cương* và *Sách lược* của ĐCS Việt Nam đầu năm 1930, Hồ Chí Minh cũng phải đem học thuyết cộng sản “dịch ra tiếng nói” của chính dân tộc Việt Nam, chứ không rập khuôn hay bắt chước một cách giáo điều theo những công thức xơ cứng.

Cho nên trong lúc nhận thấy lời kêu gọi của Lênin mang những “chỉ thị đặc biệt quý báu” đối với một nước như nước Việt Nam, là nơi đang cần giải quyết một cuộc “đấu tranh không phải chống tư bản”, là nơi mà cuộc đấu tranh chủ yếu không phải là của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư bản trong nước, Bác Hồ đã sớm phòng ngừa cái tệ “một mực bắt chước” khi người nêu rằng: “Nghe người ta nói giai cấp đấu tranh, mình cũng ra khẩu hiệu giai cấp đấu tranh, mà không xét hoàn cảnh nước mình như thế nào để làm cho đúng”⁽⁵⁾.

Chắc hẳn cũng vì vậy mà khi viết *Chính cương* và *Sách lược* của ĐCS Việt Nam, bấy giờ Bác Hồ đã đề ra một nguyên tắc trong cuộc cách mạng chống đế quốc và phong kiến ở nước ta là: “Đảng phải hết sức

liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, (thanh niên, Tân Việt, phái Nguyễn An Ninh...) để kéo họ đi về phe giai cấp vô sản. Còn đối với bọn phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản Việt Nam thì phải lợi dụng, ít nữa làm cho họ trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (Đảng Lập hiến...) thì phải đánh đổ. Trong khi liên lạc tạm thời với các giai cấp, phải rất cẩn thận, không khi nào nhượng bộ một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào đường lối thỏa hiệp”⁽⁶⁾.

Thế nhưng đến Hội nghị Trung ương tháng 10-1930 đổi thành ĐCS Đông Dương thì bản *Luận cương chính trị* của Trần Phú đã lật ngược rằng: “Trí thức, tiểu tư sản, học sinh... là hạng có xu hướng quốc gia chủ nghĩa, chúng nó đại biểu cho quyền lợi cho tất cả giai cấp tư bản bản xứ, chứ không phải chỉ bênh vực quyền lợi riêng cho tiểu tư sản mà thôi. Trong thời kỳ chống đế quốc chủ nghĩa thì hạng ấy cũng hăng hái tham gia, nhưng chỉ lúc đầu mà thôi, chúng nó không thể bênh vực quyền lợi cho dân cày được, vì chúng nó phân nhiều có giầy giếng với bọn địa chủ...”. Phủ nhận tất cả ảnh hưởng của các phong trào yêu nước trước năm 1930, *Luận cương* của Trần Phú còn lên án từ “bọn Huỳnh Thúc Kháng” cho đến “bọn Nguyễn An Ninh”, và đưa ra một quan điểm cực đoan về cuộc đấu tranh giai cấp là: “Sự tranh đấu của giai cấp ở Đông Dương ngày càng bành trướng. Điều đặc biệt và quan trọng nhất trong phong trào cách mạng ở Đông Dương là sự đấu tranh của quần chúng công nông có tính chất độc lập rõ rệt, chứ không phải là chịu ảnh hưởng quốc gia chủ nghĩa như trước nữa”⁽⁷⁾.

Rõ ràng đó là một thứ lập luận hết sức cô độc biệt phái do đã quan niệm sai về đấu tranh giai cấp.

Nghị quyết Trung ương tháng 10-1930, dựa vào *Luận cương chính trị* của Trần Phú còn quy kết cho *Chính cương* và *Sách lược* do Bác Hồ đề ra là phạm “sai lầm rất nguy hiểm” vì đã: “Chia địa chủ làm đại, trung và tiểu địa chủ; đối với đại địa chủ thì tịch ký ruộng đất, và đối với tiểu, trung địa chủ thì chủ trương lợi dụng họ, ít ra cũng làm cho họ đứng trung lập. Như thế là sai lầm và nguy hiểm”. Bản nghị quyết này lại phê phán thêm rằng: “Trong sách lược nói phải lợi dụng bọn tư bản mà chưa rõ mặt phản cách mạng, ít ra cũng phải làm cho chúng nó trung lập, tức là như biểu Đảng đứng chủ trương công nhận tranh đấu với tư bản bản xứ nữa”⁽⁸⁾.

Trong khi nghị quyết đó nhấn mạnh rằng “giai cấp tranh đấu của công nông” là điều “quan trọng nhất” ngay ở Việt Nam, thì luận cương của Trần Phú cũng từ đầu chí cuối chỉ kêu gọi “mở rộng hàng trận công nông”, không hề nhắc tới “đoàn kết dân tộc” mà chỉ nêu bật “mâu thuẫn giai cấp”. Luận cương của Trần Phú đã vạch ra thành “hàng trận” giữa một phía là “thợ thuyền và dân cày” chống lại bên kia bao gồm tất cả “đế quốc, phong kiến,

địa chủ, phú nông, tư bản bản xứ, tiểu tư sản, trí thức, học sinh...”. Sự trái ngược căn bản giữa *Luận cương* của ĐCS Đông Dương so với *Chính cương* do Bác Hồ viết cho ĐCS Việt Nam vốn khởi thủy là ở điểm ấy: *Luận cương* của Trần Phú chỉ nhằm mở rộng “hàng trận công nông” và “đấu tranh giai cấp” một cách biệt phái cực đoan; trong lúc *Chính cương* của Bác Hồ lại nêu bật “mặt trận toàn dân” và “thống nhất dân tộc” nhờ sự tập hợp lực lượng rộng lớn nhất để đánh đổ đế quốc thực dân và chế độ phong kiến, như “Hội nghị hiệp nhất” của ĐCS Việt Nam đề ra việc lập “Đồng minh phản đế” tức mặt trận chống đế quốc.⁽⁹⁾

Đáng chú ý là ngay sau khi vừa xóa *Chính cương* của Đảng do Bác Hồ đề ra, tự bản chỉ thị tháng 11-1930 của Trung ương do Trần Phú làm Tổng Bí thư vẫn phải ghi nhận trung thực về tình hình ở Nghệ Tĩnh bấy giờ: “Địa chủ, phú nông và một số quan lại nhỏ trong nông thôn đã phân hóa, và một số lớn đã nghiêng về cách mạng, họ đã tỏ ra trọng và phục ĐCS và phong trào công nông. Giai tầng tư sản nhỏ ở Nghệ Tĩnh như buôn bán đều có ý thức, xu hướng cách mạng”.⁽¹⁰⁾

Thế nhưng mới sang đầu năm 1931 thì Xứ ủy Trung kỳ của ĐCS Đông Dương đã vội “làm cho Đảng bôn-sê-vích hóa” bằng một chỉ thị thanh Đảng viết rõ từng chữ “thanh trừ trí phú địa hào, đào tận gốc tróc tận rễ”. Rồi tiếp đây chẳng bao lâu sau khi Trần Phú bị Pháp bắt ngày 18-4-1931, thì có chỉ thị Trung ương ngày 20-5-1931 gửi Xứ ủy Trung kỳ để ngăn chặn việc “thanh trừ trí phú địa hào”, và lại nhấn mạnh tinh thần căn bản đúng như Đồng minh phản đế đã nêu: “Xuất phát từ chỗ giác ngộ phân đế, ghét Pháp từ trước tới nay, nên trong hàng ngũ Đảng có những thư gia đệ tử, cựu nho, trung, tiểu, địa chủ, phú nông, trung nông ở nông thôn, và một số giáo viên, học sinh chữ Pháp, một số tiểu thương, tiểu chủ hay con nhà tiểu thương, tiểu chủ ở thành thị, cùng với một số thợ xí nghiệp, một số công chức, tổ chức hỗn hợp lại trong một phong trào... Nhưng đa số đồng chí hết sức trung thành, đã hiến thân cho Đảng đến giọt máu cuối cùng”⁽¹¹⁾.

Hiện thực ấy của cách mạng nước ta và việc xây dựng Đảng ta, ngay cả sau khi đã bị áp đặt thành



Nguyễn Ai Quốc (thứ 2 từ phải sang) và một số đại biểu tham dự Đại hội QTCS năm 1927

- Ảnh: Tư liệu

“ĐCS Đông Dương” và xuyên suốt đến ngày khôi phục lại “Đảng Lao động Việt Nam”, hiển nhiên đã bắt nguồn từ *Chính cương* và *Sách lược* do Bác Hồ nêu ra đầu tiên chứ không phải từ *Luận cương* và *Nghị quyết* của Trần Phú mang về thay thế. Sau này khi nói về “Mặt trận dân tộc thống nhất”, người còn vạch rõ rằng: “Trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, Mặt trận dân tộc thống nhất vẫn là một trong những lực lượng to lớn của cách mạng Việt Nam”.⁽¹²⁾

Bàn về vai trò của trí thức trong cuộc cách mạng của công nhân, từ năm 1921 khi còn ở nước ngoài Bác đã nhấn mạnh rằng: “Ở Ấn Độ, ở Nhật Bản, ở Trung Quốc, nhất là ở Trung Quốc, phần nhiều là các nhà trí thức trung thành với sự nghiệp của giai cấp công nhân đang lãnh đạo giai cấp này trong cuộc đấu tranh”⁽¹³⁾. Nhận định rất trung thực đó của Bác Hồ từ năm 1924 cũng được xác minh đến khi thành lập ĐCS Việt Nam đầu năm 1930 cho tới mãi sau này ở nước ta.

Cũng như nói về “tư bản” trong mặt trận chống “đế quốc”, thì Bác lại nêu bật một hiện thực lớn trên thế giới: “Ánghen dù là con nhà tư bản, ông đã trở nên một người thầy dạy Chủ nghĩa cộng sản cho chúng ta”. Rồi nói luôn về “địa chủ” trong mặt trận chống đế quốc, chính Bác còn nhấn mạnh rằng: “Đồng chí Bành Bái ở Trung Quốc, gia đình đồng chí ấy là đại địa chủ, đại phong kiến, nhưng đồng chí ấy đã tổ chức và lãnh đạo nông dân đấu tranh rất quyết liệt chống địa chủ và phong kiến... Địa chủ cũng có đôi người làm cách mạng, nước ta cũng như các nước khác, ta cũng có vài đồng chí đại địa chủ mà làm cách mạng, hồi bí mật có bao nhiêu tiền của giúp cho Đảng hết, cam chịu tù đầy. Họ tuy là người trong giai cấp địa chủ, nhưng lập trường và tư tưởng đã đứng về phe vô sản, là người của giai cấp công nhân... Đồng chí xuất thân là địa chủ, nhưng họ tự nguyện hiến hết ruộng đất, để chia cho nông dân, như thế thì không có gì đáng xấu hổ. Dù mọc ở bùn thối lên nhưng hoa sen vẫn thơm đẹp. Địa chủ mà thật thà tiến bộ thì cũng như hoa sen vậy”⁽¹⁴⁾.

Rõ ràng từ những tổng kết trên cả thế giới và qua các nhà yêu nước tiên bối của mình, Bác Hồ đã nêu

rõ về “địa chủ” về “tư bản”, về “trí thức”, trong *Chính cương* và *Sách lược* để xây dựng ĐCS Việt Nam từ năm 1930 xuyên suốt cách mạng nước ta.

Chỉ sau mấy năm Đảng ta bị tan vỡ do cuộc khủng bố trắng hồi 1931-1932 của thực dân và phong kiến, tới khi có thể khôi phục tổ chức của Đảng và phong trào cách mạng trên cả đất nước, Bác lại tiếp tục chủ trương mặt trận thống nhất “Hoa Nam, Đông Dương, Thái Lan, Malaysia”, Bác Hồ đã tự thấy có “bốn phận bức thiết đối với các Đảng của chúng tôi là phải đề xuất” một số đề nghị trong đó có việc “thực hiện mặt trận thống nhất”. Nhờ đấy ngay từ những năm 1936-1939, “Mặt trận dân tộc dân chủ” theo đường lối của Bác lại khôi phục phong trào cách mạng rất rộng rãi sôi nổi khắp nước ta, bằng cách “kết hợp hoạt động bất hợp pháp và hoạt động hợp pháp” đúng như Bác đã nêu trong thư vừa kể⁽¹⁵⁾.

“Mặt trận dân tộc dân chủ” bấy giờ quả nhiên đã bắc một nhịp cầu có vị trí quyết định đối với phong trào cứu quốc từ năm 1941, khi Bác về nước triệu tập ngay Hội nghị Trung ương Đảng tháng 5 lập “Việt Nam độc lập đồng minh” tức “Mặt trận dân tộc thống nhất” giành độc lập của dân tộc. Trong bức thư ngày 6-6-1941 kí Nguyễn Ái Quốc gửi toàn thể đồng bào, kêu gọi “các bậc phụ huynh, các hiền nhân và chí sĩ, các bạn sĩ, nông, công, thương, binh”, từ đấy Bác càng nêu bật là phải đặt “quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy”, và càng nhấn mạnh “toàn dân đoàn kết” để ai nấy đều “hiệp lực đồng tâm”⁽¹⁶⁾.

Từ đấy, rõ ràng “độc lập đồng minh” đã trở về đúng với cội nguồn là “phản đế đồng minh” từng được đề ra ngay trong Hội nghị thành lập Đảng tháng 2-1930, và tinh thần căn bản của *Chính cương* và *Sách lược* do Bác Hồ từng khởi thảo cho ĐCS Việt Nam lại được khôi phục hoàn toàn với “Mặt trận dân tộc thống nhất”, trở thành bí quyết thành công của cuộc khởi nghĩa tháng Tám 1945, tiếp đến các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Thế nhưng phải chăng có những lúc khối “đoàn kết dân tộc” lại bị phá vỡ bởi cuộc “đấu tranh giai cấp” đã bị áp dụng một cách giáo điều sai với tư tưởng của Lênin và quan điểm của Bác Hồ? Và phải chăng đó chính là những lúc mà trong Đảng ta có các quan điểm đối lập hẳn với Bác Hồ trong việc vận dụng lý luận của Lênin về “vấn đề dân tộc” và “vấn đề giai cấp”?

Trong Đảng ta hơn một nửa thế kỷ vừa qua, rõ ràng chỉ có Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà lãnh đạo duy nhất nêu bật lời của Lênin “Kêu gọi các nhà cách mạng phương Đông”, khi Người nhắc phải vận dụng sáng tạo các lý luận cộng sản. Đây chính là mối quan tâm của Lênin về “vấn đề nông dân” do Bác tiếp thu như một “vấn đề giai cấp” gắn với “vấn đề dân tộc” mà Bác coi thực chất là “vấn đề nông dân”. Đứng trên quan điểm giai cấp công nhân của một chiến sĩ QTCS, cuối năm 1923 tại Đại hội quốc tế nông dân ở

Mátxcova, Bác đã xác định rằng “nông dân là quần chúng căn bản” có nghĩa như thế nào khi bản tham luận quan trọng của Người vạch rõ:

“Trong thời đại hiện nay, giai cấp công nhân là giai cấp độc nhất và duy nhất có sứ mệnh lịch sử phải lãnh đạo cách mạng đi đến thắng lợi cuối cùng, bằng cách liên minh với giai cấp nông dân. Những trào lưu cơ hội chủ nghĩa nịnh nông dân, coi nông dân là một lực lượng chủ yếu, là động lực duy nhất của cách mạng, là đội ngũ cách mạng nhất, đều chỉ đi tới chủ nghĩa phiêu lưu, chủ nghĩa cực đoan, vô chính phủ và đi tới chỗ phản bội chủ nghĩa Lênin mà thôi”⁽¹⁷⁾.

Bấy giờ, mới cuối năm 1923, chưa xuất hiện “chủ nghĩa Mao” là thứ chủ nghĩa cơ hội “nịnh nông dân”, coi nông dân là một lực lượng chủ yếu của cách mạng và là đội ngũ cách mạng nhất. Song đến “Chỉ thị Trung ương” ngày 20-3-1931 của ĐCS Đông Dương do Trần Phú làm Tổng Bí thư, thì lúc nêu bạn “đồng minh sinh tử của giai cấp công nhân”, lại nhấn mạnh rằng “giai cấp nông dân là một lực lượng chủ yếu của cách mạng” nước ta⁽¹⁸⁾.

Phải chăng cũng do cái chủ nghĩa cơ hội “nịnh nông dân” ấy, mà ngay trong đầu năm 1931 Trần Phú vừa về nước đã có lệnh: “thanh trừ trí phú địa hào, đào tận gốc tróc tận rễ”? Rõ ràng chỉ thị kia đã đối lập hẳn với “yêu cầu giải quyết đúng đắn vấn đề nông dân” từng do Bác Hồ nêu lên khi vạch rõ rằng: “Trong điều kiện một nước nông nghiệp lạc hậu như nước ta thì vấn đề dân tộc lại thực chất là vấn đề nông dân, thì cách mạng dân tộc thực chất là cách mạng của nông dân do giai cấp công nhân lãnh đạo”⁽¹⁹⁾.

Đứng trên lập trường giai cấp vô sản để giải quyết vấn đề dân tộc ở một nơi mà nông dân đông tới 90% dân số cả nước, Bác Hồ lại không hề mang tư tưởng biệt phái về giai cấp công nhân như nhiều ĐCS bên phương Tây bấy giờ, chỉ nêu “đấu tranh giai cấp” chứ không bàn tới “đoàn kết dân tộc” ở các thuộc địa là một yêu cầu to lớn. Bởi vậy, đến năm 1924 khi Lênin vừa qua đời, Bác vẫn thẳng thắn phê phán những tư tưởng biệt phái về giai cấp trong vấn đề dân tộc, khi nhân danh các dân tộc mà viết: “Nếu giai cấp vô sản phương Tây coi Lênin là một thù linh, một lãnh tụ, một bậc thầy, thì các dân tộc phương Đông lại thấy Lênin là một con người còn vĩ đại hơn nữa, cao quý hơn nữa”⁽²⁰⁾.

Bác không chỉ nhìn thấy giai cấp trong đấu tranh, mà rộng hơn nữa, còn nhìn thấy dân tộc và con người trong cách mạng. Cho nên tới năm 1925 lại nhắc đến Lênin trong lòng các dân tộc mất nước, Bác cũng vẫn thẳng thắn gạt bỏ tư tưởng biệt phái về giai cấp ở các ĐCS bên phương Tây bấy giờ đang rất coi thường vấn đề dân tộc, khi Bác có thể làm

(Xem tiếp trang 41)

méch lòng cả Stalin mà viết rõ ra rằng: “Lênin đã đặt cơ sở cho một kỷ nguyên mới, thật sự cách mạng trong các nước thuộc địa. Lênin là người đầu tiên đã kiên quyết lên án một thành kiến về vấn đề này còn âm ỷ trong đầu óc của nhiều nhà cách mạng châu Âu và châu Mỹ”⁽²¹⁾.

Dù là một nhà cách mạng phương Đông sinh ra từ Grudia, nhưng Stalin vẫn cứ cho rằng: “Vấn đề dân tộc ở nước Nga chỉ là một vấn đề thứ yếu”. Tư tưởng biệt phái coi nhẹ vấn đề dân tộc để chỉ nhấn mạnh vấn đề giai cấp, phải chăng còn có nguyên nhân cụ thể từ các quan niệm xuyên tạc về sự hình thành dân tộc? Vận dụng lý luận của Mác trong vấn đề dân tộc, Stalin cũng đã trình bày sai về Mác, và sai lạc cả lịch sử của nhiều dân tộc khi lại cho rằng: “Quá trình tan rã của chế độ phong kiến và phát triển chủ nghĩa tư bản đã đồng thời là một quá trình của sự tập hợp những con người thành dân tộc... Không còn nghi ngờ gì nữa là chỉ đến những giai đoạn đầu của chủ nghĩa tư bản thì các dân tộc mới được tập hợp”⁽²²⁾.

Quan điểm đó của Stalin rõ ràng không thể xác thực đối với Việt Nam mà sự hình thành dân tộc đã có quá trình lịch sử từ trước đây mấy ngàn năm, chứ không chờ tới ngày tan rã của chế độ phong kiến và ngày có mặt chủ nghĩa tư bản phương Tây kéo sang hơn một trăm năm vừa qua. Thế nhưng chính do quan niệm không xác thực ấy đối với cả Cao Miên và Lào vốn cũng hình thành quốc gia từ rất lâu đời, cho nên mới đem ghép hai nước đó vào một “ĐCS Đông Dương” trái với quan điểm của Lênin về “vấn đề dân tộc”, khi đã có một văn kiện từ Liên Xô “gửi cho những người cộng sản ở Đông Dương” lại coi Cao Miên và Lào chỉ là “dân tộc thiểu số”⁽²³⁾.

Từ những lời của Lênin kêu gọi các nhà cách mạng phương Đông, đến *Chính cương* và *Sách lược* của ĐCS Việt Nam, Bác Hồ đã trải qua bao đoạn chống chọi với chủ nghĩa giáo điều và tư tưởng biệt phái ở phương Tây cả trong vấn đề giai cấp và trong vấn đề dân tộc. Rồi tới những năm Đảng ta từng bước đưa *Chính cương* và *Sách lược* của Bác vào thực tiễn, thì Bác lại trải qua bao đoạn chống chọi với luận điệu xuyên tạc và thủ đoạn áp đặt từ châu Âu sang châu Á cũng như chung quanh Người. Song các thành công và thất bại của Đảng trong sáu chục năm vừa qua phải chăng cũng đã chứng tỏ rằng: Chỉ có thực hiện và phát triển đúng *Chính cương* và *Sách lược* của Bác mới đạt được thành công và tránh được thất bại!

Khẳng định chân lý ấy giữa lúc đang có cuộc khủng hoảng tư tưởng trong đảng viên và đại chúng, càng đòi hỏi nhiều trí tuệ và tâm huyết để

nói thẳng các sự thật to lớn và rất đau lòng! Mỗi cán bộ tự thấy cần suy nghĩ về vận mệnh của đất nước đang vượt qua bao khó khăn chống chọi, ắt cũng tự hỏi rằng những khó khăn chống chọi ấy hiện nay phải chăng đã có một nguyên do hết sức nghiêm trọng. Bắt đầu thống nhất nước nhà, giành được độc lập trọn vẹn, thì lại làm sai *Chính cương* và *Sách lược* của Bác từng vạch ra để xây dựng Đảng ta suốt nửa thế kỷ vừa qua?

Bác Hồ đã vượt qua bao giáo điều và áp đặt mới có thể dắt dẫn cả dân tộc đi tới được những đỉnh cao thắng lợi của đất nước trong thế kỷ XX này. Song phải chăng cũng do các giáo điều từng đem áp đặt khác hẳn *Chính cương* và *Sách lược* của Người, mà Đảng ta và đất nước phải gánh chịu những tổn thất nặng nề do để sai lầm nghiêm trọng như trong cái cách ruộng đất...?

Tư liệu góp bàn về vấn đề “Xây dựng Đảng” ắt còn có thể kể ra nhiều nữa. Tôi chỉ xin nêu một phần, mong được cho thêm ý kiến, để kịp bổ khuyết và trình Đại hội với tất cả tấm lòng vì lợi ích của đất nước. ■

* Nguyên Bí thư Ban cán sự Đảng thành phố Hà Nội giai đoạn 1941-1942

CHÚ THÍCH:

- (1) J. Stalin, *Chủ nghĩa Mác và vấn đề dân tộc*, Nxb Ngoại văn, Moscou, 1954, bản tiếng Pháp, tr. 35.
- (2) *Hồ Chí Minh, Toàn tập*, T. 1, tr. 314-315.
- (3) Lê Mậu Hãn, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, tháng 5-1990, tr.19.
- (4) *Hồ Chí Minh, Toàn tập*, T. 7 tr. 204 và 206.
(xem thêm V.I. Lênin, *Toàn tập*, tập 39, bản tiếng Việt, tr. 372).
- (5) *Hồ Chí Minh, Toàn tập*, T. 4, tr. 491.
- (6) *Hồ Chí Minh, Toàn tập*, T. 2, tr. 297.
- (7) *Văn kiện Đảng, 1930-1945*, Ban NCLSD xuất bản, H, 1977, tr.67 và 70.
- (8) *Văn kiện Đảng*, sdd, tr. 84-85.
- (9) *Văn kiện Đảng*, sdd, tr. 194.
- (10) *Văn kiện Đảng*, sdd, tr. 175-176 và 178.
- (11) *Văn kiện Đảng*, sdd, tr. 286-287.
- (12) *Hồ Chí Minh, Toàn tập*, T. 9, tr. 403.
- (13) *Hồ Chí Minh, Toàn tập*, T. 1, tr. 250.
- (14) *Hồ Chí Minh, Toàn tập*, T. 6, tr. 357 và 396.
- (15) *Hồ Chí Minh, Toàn tập*, T. 3, tr. 55, 58 và 114.
- (16) *Hồ Chí Minh, Toàn tập*, T. 3, tr. 147 và 148.
- (17) *Hồ Chí Minh, Toàn tập*, T. 1, tr. 157-158.
- (18) *Văn kiện Đảng*, sdd, tr. 224.
- (19) *Hồ Chí Minh, Toàn tập*, T. 8, tr. 604.
- (20) *Hồ Chí Minh, Toàn tập*, T. 1, tr. 232.
- (21) *Hồ Chí Minh, Toàn tập*, T. 2, tr.1.
- (22) J. Sta-lin, *Chủ nghĩa Mác và vấn đề dân tộc*, sdd, tr. 19 và 43.
- (23) *Văn kiện Đảng*, sdd, tr. 43.